

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày: 24 - 7 - 2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thành Quyên;

2. Ông: Nguyễn Văn Thuận.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-KDTM, ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Nhiên liệu T.

Địa chỉ: số 58, đường số 8, khu đô thị A, phường T, quận R, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Ngọc H, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh C, cư trú số 178, đường 30 tháng 4, phường P, quận K, thành phố Cần Thơ là Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hai thành viên H.

Địa chỉ: số 39, ấp K, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn H, chức vụ: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Mỹ H.

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày: vào ngày 01.01.2016, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng số: 04/HĐ.TNNQ.2016 về việc nhượng quyền bán lẻ xăng dầu (gọi tắt là hợp đồng số 04), theo hợp đồng này thì nguyên đơn là bên bán xăng dầu các loại cho bị đơn là bên mua. Việc mua bán được thanh toán theo hình thức gởi đầu (lấy hàng lần sau trả tiền lần trước). Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 30.6.2018 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền xăng dầu là 12.439.730.699 đồng.

Do bị đơn vi phạm hợp đồng, ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 12.439.730.699 đồng và lãi suất 0,8%/tháng kể từ ngày 30.6.2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình tố tụng bị đơn Trần Văn H trình bày: thừa nhận giữa bị đơn và nguyên đơn có ký hợp đồng về nhượng quyền bán lẻ xăng dầu, về nội dung đã thể hiện rõ trong hợp đồng 04/HĐ.TNNQ.2016. Quá trình thực hiện hợp đồng giữa bị đơn và nguyên đơn có xác nhận công nợ thời gian từ 01.6.2018 đến 30.6.2018 với số tiền gốc 12.336.923.007 đồng; lãi: 102.807.692 đồng. Tổng cộng 12.439.730.699 đồng. Nhưng trên thực tế giữa bị đơn và nguyên đơn có làm ăn với nhau từ giai đoạn năm 2012 và đến cuối năm 2015 giữa hai bên có khấu trừ nợ thì bị đơn chỉ thiếu nguyên đơn 11,5 tỷ đồng.

Đến tháng 6 năm 2018, nguyên đơn có thuê của bị đơn ba cây xăng trên các địa bàn thị xã M, huyện H và thị xã B, thời hạn thuê 05 năm với giá 1,5 tỷ đồng trên một cây xăng. Các bên khấu trừ số tiền bị đơn thiếu 11,5 tỉ đồng với số tiền bị đơn cho thuê 03 cây xăng 4,5 tỉ đồng thì bị đơn chỉ còn thiếu nguyên đơn 7 tỉ đồng, ngoài ra còn khấu trừ thêm các khoản khác thì bị đơn chỉ còn thiếu nguyên đơn 6,2 tỉ đồng, bị đơn chỉ đồng ý trả 6,2 tỉ đồng cho nguyên đơn, không đồng ý trả lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08.01.2019 Nguyễn Mỹ H trình bày: thống nhất với phần trình bày của bị đơn, không trình bày bổ sung.

Tại phiên tòa Đại diện nguyên đơn xác định: việc bị đơn có cho nguyên đơn thuê các cây xăng là đúng nhưng việc thuê này có lập hợp đồng riêng, độc lập với hợp đồng 04, hợp đồng thuê cây xăng hiện nay các bên đang thực hiện, không phát sinh tranh chấp, số tiền bị đơn nêu đã khấu trừ là hoàn toàn

không đúng nên phía nguyên đơn không đồng ý như bị đơn trình bày. Về thời gian tính lãi, đại diện nguyên đơn đồng ý tính từ ngày 01.7.2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 24.7.2019 là 12 tháng tròn với mức lãi suất 0,8%/tháng trên số nợ gốc 12.336.923.007 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung: qua các chứng cứ có trong hồ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Văn H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Công ty Cổ phần Nhiên liệu T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hai thành viên H (gọi tắt là Công ty H) có giao kết hợp đồng “*Nhuợng quyền bán lẻ xăng dầu*” số 04/HĐ-TNNQ.2016, ngày 01 tháng 01 năm 2016, theo đó Công ty T cung cấp xăng dầu các loại cho Công ty H để bán lẻ, phương thức thanh toán: theo hình thức gói đầu (giao hàng lần sau lấy tiền lần trước), hợp đồng 04 có hiệu lực, hai bên đã thực hiện hợp đồng trong thời gian từ ngày 01.01.2016 đến năm 2018 không phát sinh tranh chấp. Đến ngày 30.6.2018 Công ty H có ký xác nhận công nợ với Công ty T, nội dung: đến cuối ngày 30.6.2018 Công ty H còn nợ Công ty T tổng số tiền 12.439.730.699 đồng. Quá trình giải quyết ông Trần Văn H, Giám đốc Công ty H thừa nhận có ký xác nhận công nợ số tiền vừa nêu, cho nên Công ty T yêu cầu Công ty H trả số tiền 12.439.730.699 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với Công ty T yêu cầu Công ty H tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, thời gian tính lãi từ ngày 30.6.2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với

mức lãi suất 0,8%/tháng, tức 9,6%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy: theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Đồng thời theo quy định tại Điều 357, 440 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất trên không vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật nên yêu cầu tính lãi của Công ty T là có cơ sở. Tuy nhiên, số tiền lãi chỉ được tính trên số nợ gốc mới phù hợp, Theo đó lãi suất được tính từ ngày 01.7.2018 đến ngày 24.7.2019 là 12 tháng 23 ngày nhưng đại diện nguyên đơn đồng ý tính tròn 12 tháng là có lợi cho bị đơn; theo đó lãi suất được tính như sau: $12.336.923.007 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times \text{tháng} = 1.184.344.608 \text{ đồng}$.

[5] Xét lời trình bày của Công ty H: Công ty H có cho công ty T thuê ba cây xăng tại các địa bàn M, H và B giá thuê là 1,5 tỉ/một cây xăng/05 năm, tổng số tiền thuê là 4,5 tỉ đồng, Công ty H cho rằng đã khấu trừ vào số nợ trên nhưng không được phía Công ty T thừa nhận, đồng thời ông Trần Văn H vắng mặt nên xem như đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh; Công ty H không có căn cứ chứng minh đã khấu trừ số tiền này nên lời trình bày của Công ty H không được chấp nhận, bởi lẽ việc Công ty H có cho Công ty T thuê ba cây xăng là một hợp đồng độc lập với hợp đồng số 04, trong vụ án này Công ty H không có yêu cầu phản tố, do đó Công ty H có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty T bồi thường thành một vụ kiện dân sự khác nếu có đủ chứng cứ chứng minh Công ty T vi phạm hợp đồng.

[6] Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty H phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 357, 440 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật thương mại.

Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hai thành viên H Đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn H có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Nhiên liệu T tổng số tiền 13.624.075.307đ (mười ba tỉ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn, ba trăm lẻ bảy đồng). Trong đó:

. Nợ gốc 12.336.923.007đ (mười hai tỉ, ba trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi ba ngàn; không trăm lẻ bảy đồng)

. Lãi suất đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 102.807.692đ (một trăm lẻ hai triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, sáu trăm chín mươi hai đồng);

. Lãi suất từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24 tháng 7 năm 2019): 1.184.344.608đ (một tỉ một trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm lẻ tám đồng).

-Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hai thành viên H. Đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn H ông phải nộp 121.624.075đ (một trăm hai mươi một triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

Công ty Cổ phần Nhiên liệu T được nhận lại 60.269.000đ (sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016773, ngày 10.9.2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm